

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/DSST

Ngày: 04/5/2021.

*“V/v : Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Kim Loan và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân phố P, tỉnh Gia Lai.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2020/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc *“Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-DS ngày 16/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1974. Địa chỉ: 06 Đường T, tổ 5, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà M, sinh năm 1966. Địa chỉ: 77 Đường H, tổ 4 phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N trình bày:

Do quan hệ quen biết, ngày 07/7/2020 tôi có cho bà M vay số tiền là 36.400.000đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng), lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay 01 tháng. Tuy nhiên khi đến hạn tôi có đến đòi nhiều lần nhưng bà M không trả nợ gốc và nợ lãi cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai buộc bà M phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 36.400.000đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) và số tiền lãi theo quy định pháp luật 10%/năm kể từ ngày 07/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (36.400.000đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng 27 ngày = 2.990.000đồng) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày xét xử sơ

thẩm cho đến khi bà M trả hết nợ theo lãi suất 0,83%/tháng.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Đối với bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, thì xác định bà M hiện vẫn đang cư trú ổn định tại địa chỉ: 77 Đường H, tổ 4, phường Đ, thành phố P. Tòa án đã tiến tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà M theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng bà M không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai:

- Về thủ tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện đầy đủ đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án buộc bà M phải trả số tiền gốc và lãi suất chậm trả theo qui định pháp luật; đối với bị đơn bà M mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến hoặc cung cấp chứng cứ gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy bị đơn không có ý chí muốn được hòa giải mà chỉ muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn bà M có nơi cư trú tại thành phố P, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là 01 giấy mượn tiền có nội dung bà M mượn 36.400.000đồng của bà Võ Thị Hồng N, mục đích mượn tiền để đáo hạn ngân hàng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn mượn một tháng và ký tên người mượn tiền là M (Bản gốc, bút lục số 25).

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc: 36.400.000đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo qui định pháp luật kể từ thời gian vi phạm thời hạn nghĩa vụ trả nợ từ ngày 07/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là:

(09 tháng 27 ngày x 36.400.000đồng x 0,83%/tháng = 2.990.000 đồng). Như vậy, xét về giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà M phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N số tiền 39.390.000đồng (trong đó tiền gốc là 36.400.000đồng, lãi suất 2.990.000đồng) và phải trả lãi suất chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà M phải chịu (39.390.000đồng x 5%) = 1.969.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91,93, 94, 95, 96, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

- Áp dụng các Điều 278, 280, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N.

[2]. Buộc bị đơn bà M phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N số tiền: 39.390.000đồng (*Ba mươi chín triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng*), trong đó tiền gốc là 36.400.000đồng, lãi suất 2.990.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí:

Buộc bị đơn bà M phải nộp: 1.969.500đồng (*Một triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005885 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC VỊ HỘI THẨM

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

